

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12/2020/DS - ST**

Ngày: 18/05/2020

V/v: tranh chấp về đòi nợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chương - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Đức

2. Bà Nguyễn Thị Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 48/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 03 năm 2020 về việc đòi nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST - DS giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H - sinh năm 1956.

HKTT và chỗ ở: Số 34, ngõ 81 đường N, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Công H - sinh năm 1949.

HKTT và chỗ ở: Thôn 1, xã Đ, huyện T, TP Hà Nội (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 07/03/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Thu H trình bày:**

Vợ chồng bà H và vợ chồng ông Lê Công H là bạn với nhau, thân thiết và tin tưởng nhau. Ngày 24/12/ 2013, ông Lê Công H cùng vợ là bà Lê Kim T đã cùng ký “Giấy biên nhận vay tiền” để vay tiền của bà với số tiền là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày vay. Bà cho vay nhưng không tính lãi. Tại thời điểm ký giấy vay tiền này thì ông H, bà T ghi địa chỉ ở P1801B chung cư L, số 124 M, quận H, TP Hà Nội nhưng cả hai ông bà

đều có Hộ khẩu thường trú tại Thôn 1, xã Đ, huyện Thanh Trì, TP H Nội (hiện ông H đang hưởng lương hưu từ cơ quan BHXH huyện Thanh Trì chi trả). Do địa chỉ nơi bà cư trú là thuộc quận C nhưng trong Giấy biên nhận tiền ông H viết Từ Liêm, H Nội nên bà có yêu cầu phải viết lại giấy vay. Khi viết lại Giấy biên nhận vay tiền thì có tên cả ông H, bà T nhưng chỉ có một mình ông H ký, hai bên đã gạch bỏ giấy vay tiền trước đó ghi sai địa chỉ và có chữ ký của bà T. Quá thời hạn vay, ông H không trả nợ cho bà, bà nhiều lần tìm gặp ông H để đòi nợ nhưng không gặp, bà liên hệ qua điện thoại thì ông H có xin khất (có thể hiện các tin nhắn trên điện thoại), sau đó ông H chủ động cắt liên lạc, không nghe điện thoại, bà không thể liên hệ được. Nay bà khởi kiện ông H và đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Công H phải trả tiền cho bà số tiền vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) theo Giấy biên nhận vay tiền ông H đã ký ngày 24/12/2013. Do ông H cũng có nhiều khó khăn trong cuộc sống, để tạo điều kiện cho ông H bà không tính tiền lãi vay đối với ông H.

Số tiền bà cho ông H vay là tiền của cá nhân bà, không phải tài sản chung của vợ chồng bà nên ông Nguyễn Minh H là chồng bà không liên quan gì đến việc tranh chấp giữa hai bên, bà đề nghị Tòa án không đưa ông H vào tham gia tố tụng trong vụ án.

* Bị đơn là ông Lê Công H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Lê Công H không đến Tòa án làm việc. Ông H đã có văn bản ngày 26/3/2020 gửi Tòa án trình bày về việc tranh chấp giữa hai bên như sau: Ông H và vợ ông là bà Lê Kim T có vay của bà Trần Thị Thu H số tiền 150.000.000 đồng từ năm 2013 để giúp cho con gái ông bà có vốn kinh doanh nhưng vì con gái ông bà làm ăn không hiệu quả nên đã bị thua lỗ. Do ông đang bị bệnh và con gái ông chưa phục hồi được việc làm ăn nên ông chưa trả được nợ cho bà H. Ông đã nhiều lần khất nợ bà H và xin bà H khi nào ông bán được nH ở xã Đ, Thanh Trì, H Nội sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà H.

Ngày 02/4/2020, ông H có văn bản gửi Tòa án xác nhận trước đó vợ ông là bà T có đồng ý cùng ông ký giấy vay tiền của bà H nhưng sau đó do bà T không đồng ý nên cá nhân ông đã đứng ra để viết giấy vay tiền của bà H, ông sẽ có trách nhiệm trả đủ khoản nợ cho bà H.

Ông H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông (Đơn ngày 02/04/2020) do ông đang chữa bệnh ở xa không về được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là bà Trần Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Lê Công H phải trả cho bà số tiền vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Bà H không yêu cầu ông H trả tiền lãi vay.

- Bị đơn là ông Lê Công H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Thẩm phán được phân

công giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Khoản nợ vay 150.000.000 đồng được ông H nhận nợ với bà H theo Giấy biên nhận tiền vay ngày 24/12/2013, đến nay ông H vẫn xác nhận nghĩa vụ trả nợ với bà H nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do bà H không yêu cầu tính lãi vay nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Do ông Lê Công H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Trần Thị Thu H khởi kiện để đòi nợ đối với ông Lê Công H, ông H có Hộ khẩu thường trú tại Thôn 1, xã Đ, Thanh Trì, H Nội và có văn bản trình bày hiện nay ông đang đi chữa bệnh ở xa không về tham gia tố tụng tại Tòa án được, ông H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

II. Về nội dung:

Trong quá trình khởi kiện, bà H có xuất trình cho Tòa án 02 Giấy biên nhận vay tiền cùng ngày 24/12/2003, trong đó có 01 Giấy biên nhận vay tiền có đầy đủ họ tên, chữ ký của ông Nguyễn Công H và vợ ông H là bà Lê Kim T nhưng đã bị gạch chéo, Giấy biên nhận vay tiền còn lại có ghi họ tên của cả ông Nguyễn Công H và bà Lê Kim T nhưng chỉ có chữ ký của ông H, không có chữ ký của bà T và không bị gạch chéo. Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án buộc ông H có nghĩa vụ trả nợ cho bà. Đối với ông H ngày 26/3/2020 có văn bản gửi Tòa án trình bày ông cùng vợ là bà T vay tiền của bà H nhưng ngày 02/4/2020 ông H lại có văn bản trình bày chỉ có cá nhân ông vay tiền của bà H còn bà T không đồng ý ký tên vay, lời trình bày này của ông H phù hợp với các chứng cứ là 02 giấy vay tiền do bà H xuất trình, trong đó giấy vay tiền có chữ ký của bà T đã bị gạch chéo. Vì vậy, có cơ sở để xác định số tiền 150.000.000 ông H nhận nợ với bà H là tiền của cá nhân bà H cho cá nhân ông H vay nên không liên quan đến ai khác.

Xét thấy: Để vay tiền của bà Trần Thị Thu H ông Lê Công H đã lập “Giấy biên nhận vay tiền” đề ngày 24/12/2013 có chữ viết, chữ ký của ông Lê Công H là người vay. Ông H là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tự nguyện ký kết

giấy biên nhận vay tiền, bà H chấp nhận cho ông H vay tiền theo các điều kiện ghi trong giấy vay tiền nên “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 24/12/2003 được coi là văn bản giao dịch dân sự về vay tài sản giữa hai bên. Tại thời điểm ông H viết Giấy biên nhận vay tiền thì Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực T Hnh, đến nay Bộ luật dân sự năm 2015 thay thế Bộ luật dân sự năm 2005 đã có hiệu lực T Hnh. Do hình thức, nội dung giao dịch dân sự vay tài sản giữa ông H, bà H phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp giữa các bên, theo đó “Giấy biên nhận vay tiền” do ông Nguyễn Công H viết ngày 24/12/2013 có giá trị pháp lý và hiệu lực T Hnh đối với các bên. Theo nội dung Giấy biên nhận vay tiền thì ông H vay của bà H số tiền 150.000.000 đồng trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày vay (24/12/2013), khi hết thời hạn vay, bà H đã nhiều lần tìm gặp ông H để đòi nợ nhưng không được, bà H liên lạc với ông H qua điện thoại thì ông H nhắn tin xin được khất nợ. Sau khi được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án ông H đã có văn bản gửi Tòa án xác nhận số tiền nợ 150.000.000 đồng ông đã vay của bà H theo Giấy biên nhận tiền vay ngày 24/12/2013 và cam kết có trách nhiệm trả nợ bà H số tiền này. Do đó, hai bên đương sự đã thống nhất về số tiền vay nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “1. *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận, cần buộc ông H trả nợ cho bà H số tiền 150.000.000 đồng.

Về lãi vay: Trong Giấy biên nhận vay tiền ngày 24/12/2013, ông H có ghi thời gian vay là 03 tháng kể từ ngày vay, vì vậy thời gian ông H vay tiền bà H đã quá hạn từ ngày 25/03/2014 nhưng do bà H không yêu cầu ông H phải trả lãi vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Do ông Lê Công H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 116, 119, 194, 274, 275, 278, 280, 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ của bà Trần Thị Thu H đối với ông Lê Công H.

Buộc ông Lê Công H trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng chẵn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu T Hnh án của người được T Hnh án đối với khoản tiền được trả cho người được T Hnh án cho đến khi T Hnh án xong, tất cả các khoản tiền, Hng thág bên phải T Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T Hnh án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng với thời gian chưa T Hnh án.

2. Về án phí: Do ông Lê Công H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Công H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được T Hnh theo qui định tại Điều 2 Luật T Hnh án thì người được T Hnh án dân sự, người phải T Hnh án dân sự có quyền thoả thuận T Hnh án, quyền yêu cầu T Hnh án, tự nguyện T Hnh án hoặc bị cưỡng chế T Hnh án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật T Hnh án dân sự; thời hiệu T Hnh án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật T Hnh án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP H Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T;
- Chi cục T Hnh án dân sự H. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chương